

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHỤNG HIỆP
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/DS-ST
Ngày: 23-3-2022
V/v: *Tranh chấp hợp đồng hội*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Công Điện
2. Ông Nguyễn Văn Dương

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Công Trận – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Cẩm Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 272/2021/TLST-DS, ngày 19 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng hội theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXXST-DS, ngày 01 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2022/QĐST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trà Thị Bích N, sinh năm 1982; Địa chỉ: ấp T, thị trấn B, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Bùi Thanh T2, sinh năm 1967; Địa chỉ ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Có mặt

Bị đơn:

- Bà Võ Hải Y, sinh năm 1988; Địa chỉ: ấp T, thị trấn B, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Trần H1, sinh năm 1988; Địa chỉ: ấp T, thị trấn B, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 02 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trà Thị Bích N cũng như người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Vào ngày 02/7/2019 bà có tham gia chơi hụi do bị đơn bà Võ Hải Y và chồng ông Trần H1 làm chủ đầu thảo. Trong đây hụi bà tham gia có 22 hụi viên, hình thức chơi hụi góp hàng tháng, mỗi tháng góp 3.000.000 đồng, bà tham gia được 12 lần với số tiền 22.450.000.000 đồng (tiền vốn) còn tiền lãi là 13.550.000 đồng. Đến ngày 02 tháng 7 năm 2020 bị đơn tuyên bố vỡ hụi và bị đơn trả trước số tiền 6.000.000 đồng còn lại 30.000.000 đồng bị đơn chưa thanh toán. Nay yêu cầu bị đơn phải trả số tiền còn lại 30.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất 20%/năm từ ngày 02/7/2020 đến ngày xét xử.

Bị đơn chị Võ Hải Y trình bày: Thừa nhận có mở hụi cho các hụi viên tham gia góp hụi có lãi và nguyên đơn Trà Thị Bích N tham gia một phần gồm 22 hụi viên, bà góp được 12 lần, hụi tháng 3.000.000 đồng. Bà Trà Thị Bích N góp được 22.450.000 đồng thì tôi tuyên bố bẻ hụi và có trả trước cho bà N số tiền một số tiền và thừa nhận hiện tại còn nợ 17.500.000 đồng. Trong quá trình mở hụi thì bị đơn là người trực tiếp mở, ông Trần H1 không biết có sự việc chị tham gia chơi hụi và giữa chị và anh H1 cũng đã ly thân từ lâu nên việc nợ hụi thì chị tự chịu.

Bị đơn anh Trần H1 trình bày: Việc chị Võ Hải Y mở hụi như thế nào thì anh không biết và tiền hụi anh không có sử dụng nên không đồng ý trả nợ cho bà Trà Thị Bích N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Việc chấp hành tố tụng của nguyên đơn đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Võ Hải Y trả số tiền nợ hụi còn lại, không có cơ sở buộc ông Trần H1 có nghĩa vụ liên đới trả nợ với bà Võ Hải Y; Về lãi suất hụi đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn có nơi cư trú huyện P, tỉnh Hậu Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang quy định tại khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn và bị đơn có quan hệ hợp đồng hội với nhau theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn Võ Hải Y có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn Trần H1 được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[4] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trà Thị Bích N yêu cầu bị đơn Võ Hải Y và anh Trần H1 có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ hội 30.000.000 đồng và tính lãi suất, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1] Các đương sự thừa nhận có thực hiện góp hội với nhau, khi đó chị Võ Hải Y là người trực tiếp mở hội cho hội viên tham gia, trong quá trình góp hội chị Trà Thị Bích N góp hội được 12 lần với số tiền gốc 22.450.000 đồng và bị đơn thừa nhận trả được số tiền 6.000.000 đồng như vậy số nợ hội còn lại 16.450.000 đồng nhưng sau đó bị đơn có văn bản thay đổi lời trình bày tổng số nợ hội phải thanh toán cho nguyên đơn 17.500.000 đồng. Do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện trả nợ hội của bị đơn với số tiền 17.500.000 đồng.

[4.2] Nguyên đơn yêu cầu buộc ông Trần H1 phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ hội là không có cơ sở chấp nhận. Bởi, cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận trong quá trình chơi hội thì bị đơn là người trực tiếp mở hội và nhận hội là thống nhất với lời trình bày của ông Trần H1, trong thời gian bị đơn mở hội thì ông và bà Y sống ly thân nên việc mở hội này ông không biết và tiền hội ông không sử dụng.

[4.3] Nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất khi tham gia hội với số tiền 13.550.000 đồng là không có cơ sở. Bởi lẽ, nguyên đơn thừa nhận số tiền đã góp được là 22.450.000 đồng với 12 lần góp thì tính trung bình hàng tháng nguyên đơn đã góp 1.870.000 đồng nhưng chưa được tính lãi và căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 12/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, bui, biêu, phùng về tính lãi suất chơi hội thì căn cứ vào quy định của Bộ luật dân sự 2015. Như vậy lãi suất được áp dụng 1,6%/tháng: Tiền gốc góp một tháng là $1.870.000 \text{ đồng} \times 1,6\%/\text{tháng} \times 12 \text{ tháng} = 359.000 \text{ đồng}$. Do đó cần buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền lãi hội số tiền 359.000 đồng. Đối với yêu cầu tính lãi suất từ ngày ngưng góp hội 02/7/2020 đến ngày xét xử,

do hoạt động chơi hụi không được nhà nước khuyến khích và việc chốt hụi thì không còn tính lãi do đó yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận.

[5] Về án phí: Các đương sự phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều: Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng điều 357 và điều 463, 465, 466 và 468 Bộ luật dân sự 2015.

Áp dụng Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khoá 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 12/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, búi, biểu, phường.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Buộc bị đơn bà Võ Hải Y trả cho nguyên đơn bà Trà Thị Bích N số tiền nợ hụi gốc 17.500.000 đồng (mười bảy triệu, năm trăm nghìn đồng) và lãi 359.000 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi 17.859.000 đồng (mười bảy triệu, tám trăm năm mươi chín nghìn đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Võ Hải Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 892.950 đồng (tám trăm chín mươi hai nghìn, chín trăm năm mươi đồng). Nguyên đơn được nhận lại số tiền tiền tạm ứng án phí đã nộp 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008725 ngày 19/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn bà Trà Thị Bích N phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận số tiền 659.550 đồng (sáu trăm năm mươi chín nghìn, năm trăm năm mươi đồng).

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, được quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Phụng Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Phụng Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Hiếu